

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN  
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 25 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1265/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

Xét Tờ trình số 3167/TTr-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 125/BC-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

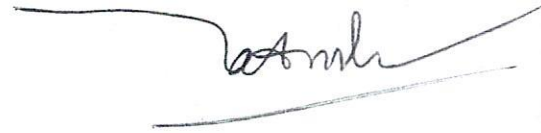
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 25 (chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 8 năm 2024, có hiệu lực kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Bình Thuận;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (CTHĐ, 08b), Thúcý.

68

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoài Anh**



**DANH MỤC**  
**DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**  
**THUỘC LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 27/8 /2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

| STT       | Tên dịch vụ   | Mức sử dụng ngân sách nhà nước  |
|-----------|---|---------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>BÁO CHÍ, TRUYỀN THÔNG</b>  |                                 |
| 1         | Sản xuất chương trình phát thanh phục vụ nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ đảm bảo an ninh - quốc phòng, tuyên truyền đối ngoại, phục vụ thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thính, khiếm thị, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và các nhiệm vụ trọng yếu khác phù hợp với từng thời kỳ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ  | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| 2         | Sản xuất chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ đảm bảo an ninh - quốc phòng, tuyên truyền đối ngoại, phục vụ thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thính, khiếm thị, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và các nhiệm vụ trọng yếu khác phù hợp với từng thời kỳ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| 3         | Hoạt động báo in, báo điện tử phục vụ nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ đảm bảo an ninh - quốc phòng, tuyên truyền đối ngoại, phục vụ thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thính, khiếm thị, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và các nhiệm vụ trọng yếu khác phù hợp với từng thời kỳ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ     | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| 4         | Đo lường mức độ tiếp cận, sử dụng thông tin của khán giả phục vụ đánh giá hiệu quả nội dung thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh - quốc phòng, đối ngoại và phát triển kinh tế - xã hội   | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| <b>II</b> | <b>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>  |                                 |
| 1         | Điều phối hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của các cơ quan Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội   | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| 2         | Thu thập, phân tích và cảnh báo nguy cơ, sự cố tấn công mạng cho các cơ quan Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội   | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| 3         | Diễn tập phòng chống tấn công mạng đảm bảo an toàn thông tin cho các lĩnh vực quan trọng của Đảng, Nhà nước   | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |



| STT | Tên dịch vụ  | Mức sử dụng ngân sách nhà nước  |
|-----|--|---------------------------------|
| 4   | Giám sát phòng, chống, ngăn chặn thư rác, tin nhắn rác cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội            | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| 5   | Giám sát an toàn thông tin cho các lĩnh vực quan trọng và hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền điện tử                     | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| 6   | Rà quét, xử lý mã độc cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội   | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| 7   | Kiểm định an toàn thông tin cho các sản phẩm, giải pháp hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước trước khi đưa vào sử dụng    | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| 8   | Kiểm tra, đánh giá, phát hiện lỗ hổng bảo mật, điểm yếu an toàn thông tin cho các cơ quan nhà nước                           | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| 9   | Giám sát an toàn không gian mạng   | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| 10  | Kiểm tra đánh giá an toàn thông tin hệ thống phần mềm ứng dụng, hệ thống cơ sở dữ liệu                                       | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| 11  | Quản trị, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, thiết bị tại Trung tâm tích hợp dữ liệu và thiết bị mạng diện rộng của tỉnh | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| 12  | Vận hành, bảo trì hệ thống, thiết bị Hội nghị truyền hình  | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| 13  | Vận hành, bảo trì hệ thống camera giám sát   | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| 14  | Quản trị, vận hành hệ thống trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh IOC  | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| 15  | Quản trị, vận hành hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng (SOC)  | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| 16  | Quản trị, vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số, phần mềm thương mại và cơ sở dữ liệu dùng chung                      | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |
| 17  | Quản lý, vận hành các bảng quang báo điện tử, truyền thanh thông minh  | Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% |